

....., ngày tháng..... Năm.....

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn				
1	Số thu sự nghiệp	423.390	268.519	63,42	101
1.1	Thu giá viện phí	408.390	262.306	64,23	
	<i>Thu từ BHYT</i>	<i>325.606</i>	<i>205.397</i>	<i>63,08</i>	
	<i>Thu trực tiếp từ bệnh nhân</i>	<i>82.784</i>	<i>56.909</i>	<i>68,74</i>	
1.2	Thu khác	15.000	6.213	41,42	
	<i>Nhà thuốc</i>	<i>14.000</i>	<i>5.429</i>	<i>38,78</i>	
	<i>Thu hoạt động khác</i>	<i>1.000</i>	<i>784</i>	<i>78,40</i>	
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị	423.390	201.298	47,54	95
2.1	Chi sự nghiệp y tế	338.712	190.567	56,26	
a	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:</i>	<i>338.712</i>	<i>190.567</i>	<i>56,26</i>	
	<i>- Chi cho con người</i>		<i>40.938</i>		
	<i>- Chi phục vụ chuyên môn</i>		<i>131.087</i>		
	<i>- Chi mua sắm, sửa chữa</i>		<i>15.762</i>		
	<i>- Khác</i>		<i>1.511</i>		
	<i>- Trả gốc và lãi vay DA ODA (Áo) mua sắm TBYT</i>		<i>1.269</i>		
b	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
2.2	Chi quản lý hành chính	84.678	10.731	12,67	
a	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:</i>	<i>84.678</i>	<i>10.731</i>	<i>12,67</i>	
	<i>- Chi cho con người</i>		<i>6.490</i>		
	<i>- Chi phục vụ chuyên môn</i>		<i>-</i>		
	<i>- Chi mua sắm, sửa chữa</i>		<i>2.919</i>		
	<i>- Khác</i>		<i>1.163</i>		
	<i>- Nộp ngân sách</i>		<i>160</i>		
b	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	100	50	50	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	240,6	240,6	100	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường	240,6	240,6	100	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	9.006	8.913	98,97	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường	9.006	8.913	98,97	
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				-
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình)				

Kế toán trưởng



Đoàn Sơn Thụy



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Chính Chuyên